

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lường Văn Hịa**

2. Ông **Nguyễn Quang Khải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2020/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Tòng Thị Th** - Sinh năm: 1992; Nơi ĐKKHKT: Bản P, xã P, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở: Bản T, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn H** - Sinh năm 1986; Địa chỉ: Bản P, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2020 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Tòng Thị Th trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị Th và anh H kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2011 tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc (tại Bản P, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên) được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do anh H nghiện ma túy, không quan tâm chăm sóc đến vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh chị đã

được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Vì vậy chị Th và anh H đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2017 cho đến nay, không còn đi lại và quan tâm gì đến nhau nữa. Từ đầu năm 2017 cho đến nay do mâu thuẫn vợ chồng nên chị Th đã bỏ về nhà ở với bố mẹ đẻ chị Th tại Bản T, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nay tình cảm của chị Th đối với anh H không còn nữa vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Chị Th và anh H có 01 con chung là: Lò Thanh Th1 - sinh ngày 05/01/2016. Hiện tại cháu Thủy đang ở với chị Th. Ly hôn chị Th có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th1 và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Th1 vì anh H nghiện ma túy không có khả năng cấp dưỡng. Về thu nhập của chị Th từ nghề làm ruộng được khoảng 5.000.000 đồng - 6.000.000 đồng/1 tháng, chị Th đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th1.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ*: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Tông Thị Th và anh Lò Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lò Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh H vẫn không đến tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh H không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

*) *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận, chị Th cho rằng cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi nhau, nguyên nhân là do anh H nghiện ma túy, không quan tâm chăm sóc đến vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau (được chứng minh tại Đơn đề nghị ngày 09/7/2020 của chị Tông Thị Th có xác nhận của chính quyền địa phương, BL: 25). Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị Th khẳng định chị không còn tình cảm với anh H nữa nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa, vì vậy chị Th tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với anh H.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án anh H không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình,

điều đó đã thể hiện anh H không có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của chị Th và anh H vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị Th được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**) Về con chung:* Chị Th và anh H có 01 con chung là: Lò Thanh Th1 - sinh ngày 05/01/2016. Hiện tại cháu Th1 đang ở với chị Th, nguyện vọng của chị Th sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th1 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Th1 vì anh H nghiện ma túy, không có thu nhập nên không có khả năng để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th1.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh H cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung nhưng xét về mặt thực tế hiện tại cháu Th1 còn nhỏ và đang ở cùng với chị Th, anh H là người nghiện ma túy và không có thu nhập. Mặt khác, tại đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa chị Th khai thu nhập của chị từ nghề làm ruộng được khoảng 5.000.000 đồng - 6.000.000 đồng/1 tháng, chị Th đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th1. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu Th1, Tòa án cần giao cho chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th1 và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Th1 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình.

**) Về quan hệ tài sản và công nợ:* Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

**) Về án phí:* Chị Tòng Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Chị Tòng Thị Th được ly hôn với anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Lò Thanh Th1 - sinh ngày 05/01/2016 cho chị Tòng Thị Th được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th1 đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu

của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản và công nợ: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì Tòng Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2016/0003448 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòng Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/9/2020). Anh Lò Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Thanh An, huyện Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Tòa án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyến

